

# Một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức trong môn Ngữ văn

**Trần Thị Ngọc**

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên  
20 Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên,  
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.  
Email: tranngoc1512288@gmail.com

**TÓM TẮT:** Bên cạnh các đặc điểm của văn bản nói chung, văn bản đa phương thức có những đặc điểm riêng nên trong quá trình dạy học đọc hiểu, giáo viên cần tổ chức các hoạt động nhằm khai thác được các đặc điểm nổi bật của loại văn bản này. Bài báo chỉ rõ: 1/ Quan niệm về văn bản đa phương thức; 2/ Đặc điểm của văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin; 3/ Đề xuất một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin. Để giúp học sinh phổ thông đáp ứng được yêu cầu mới về đọc hiểu văn bản trong môn Ngữ văn, giáo viên cần vận dụng hiệu quả các biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin vào thực tiễn giảng dạy.

**TỪ KHÓA:** Quy trình; dạy học đọc hiểu; văn bản đa phương thức; Ngữ văn; trường phổ thông.

→ Nhận bài 06/4/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 26/4/2020 → Duyệt đăng 15/6/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Xu thế quốc tế hiện nay cho thấy sự mở rộng về văn bản (VB) đọc hiểu nói chung và VB đọc hiểu trong nhà trường phổ thông nói riêng. Có bao nhiêu loại VB trong cuộc sống thì có bấy nhiêu loại được dạy đọc hiểu trong nhà trường phổ thông. Ở những nước có nền giáo dục (GD) phát triển như Mỹ, Úc, Singapore, Hàn Quốc..., chương trình (CT) chuẩn, CT ngôn ngữ và văn học đã đưa các loại VB đọc hiểu được trình bày theo nhiều dạng “ngôn ngữ” khác nhau, lấy từ nhiều nguồn (in hoặc không in) như: sách tranh, tờ rơi, quảng cáo, clip... Nhận thức được những thay đổi của xu thế GD quốc tế, CT GD phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn năm 2018 đã có những điều chỉnh. Theo đó, VB đa phương thức trở thành đối tượng đọc hiểu của học sinh (HS) phổ thông. Tuy nhiên, hiện nay chưa có tài liệu nào đề cập tới các biện pháp dạy học đọc hiểu VB đa phương thức trong môn Ngữ văn. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi trình bày các biện pháp dạy học đọc hiểu VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin, có sự kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Quan niệm về văn bản đa phương thức

Thuật ngữ “Văn bản đa phương thức” xuất hiện trong nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới từ khá sớm. Theo nghiên cứu của Anthony Baldry và Paul J. Thibault (2006), “Việc nghiên cứu VB đa phương thức và việc thực hành tạo nghĩa VB đa phương thức (multimodal meaning - making practices) đã được phát triển từ trước những năm 1990” [1]. Đến nay, đã có nhiều công trình, bài viết nghiên cứu về loại VB này. Các nhà biên soạn CT ngôn ngữ ở Úc quan niệm “VB đa phương thức là sự kết hợp của hai hay nhiều phương thức truyền thông

trong cùng một VB” [2]. Trong cuốn Visual Approaches to Teaching Writing Multimodal Literacy 5 - 11, hai tác giả Bearne, E. và Wolstencroft, H. đã nhận xét: “Bất kỳ VB đa phương thức nào đều có sự kết hợp của những thành phần dưới đây: Cử chỉ, chuyển động, điệu bộ, các biểu hiện trên gương mặt; Hình ảnh: tĩnh, động, thực tế hoặc vẽ; Âm thanh: từ ngữ được phát ngôn, hiệu ứng âm thanh, âm nhạc; VB bao gồm chữ và kiểu chữ” [3, tr.2]. Thống nhất với các ý kiến trên, trong bài viết Literature in a digital environment, Maureen Walsh đã đưa ra cách hiểu về VB đa phương thức như sau: “VB đa phương thức là một thuật ngữ được sử dụng trong GD để giải thích cách giao tiếp xảy ra thông qua các phương tiện khác nhau như: ngôn ngữ, hình ảnh, đồ họa, chuyển động, cử chỉ, kết cấu, âm nhạc, âm thanh. Ví dụ: truyện tranh, sách thông tin, phim...” [4, tr.181]. Ở Việt Nam, khái niệm về VB đa phương thức được đề cập đến trong một số bài viết của tác giả Đỗ Ngọc Thống, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thế Hưng. Trong bài viết *Phát triển NL đọc viết cho học sinh phổ thông*, tác giả Đỗ Ngọc Thống đã khẳng định: “VB trong dạy học đọc không chỉ là VB chỉ toàn kênh chữ mà còn đan xen kênh hình với những kí hiệu, sơ đồ, biểu tượng, đồ thị, bảng biểu, minh họa, ảnh nghệ thuật... thậm chí cả âm thanh. Đó chính là VB đa phương thức” [5]. Với quan điểm trên, tác giả cho rằng, VB đa phương thức là sự kết hợp của nhiều phương thức biểu đạt khác nhau gồm kênh chữ, kênh hình và kênh âm thanh. Trong bài viết *Dạy học văn bản đa phương thức nhằm phát triển NL giao tiếp của học sinh ở nhà trường phổ thông*, Lê Thị Minh Nguyệt cho rằng: “VB đa phương thức là loại VB kết nối ngôn ngữ với các phương tiện giao tiếp khác (như tranh ảnh, âm thanh, phim, trang web...)” [6, tr.46]. Như vậy, theo tác giả, dù có kết hợp nhiều phương thức thể hiện khác nhau, VB đa

phương thức vẫn cần gắn với ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp không thể thiếu. Tuy nhiên, tác giả Nguyễn Thế Hưng cho rằng: “Trong VB đa phương thức, ngôn ngữ không nhất thiết phải đóng vai trò thiết yếu. VB chỉ cần đáp ứng tiêu chí có sự kết hợp chặt chẽ của các kênh kí hiệu khác nhau đều có thể được xếp là VB đa phương thức” [7, tr.86]. Theo đó, tác giả đã đưa ra định nghĩa về VB đa phương thức như sau: “VB đa phương thức (trong sự phân biệt với VB đơn phương thức về số lượng dạng thức kí hiệu của VB) là VB có sự phối hợp chặt chẽ từ hai dạng thức kí hiệu trở lên (ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh, video, hoạt động, đường dẫn - liên kết, tương tác thực tế,...) tạo thành một chỉnh thể thống nhất nhằm đạt mục đích giao tiếp nhất định” [7, tr.86].

Quan điểm trên của các tác giả đã có điểm thống nhất với khái niệm về VB đa phương thức trong CT GDPT môn Ngữ văn mới: VB phương thức là “VB có sự phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh” [8, tr.86].

## **2.2. Đặc điểm của văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin**

Tác giả Vũ Thị Thu Hương đã chỉ ra điểm thống nhất trong quan niệm về VB thông tin của các nhà nghiên cứu trên thế giới, đó là loại VB "không sử dụng yếu tố hư cấu, tưởng tượng và mục đích chính là cung cấp thông tin. VB thông tin tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau (SGK, báo chí, tạp chí, áp phích, tờ rơi quảng cáo, bảng chỉ dẫn công việc, phiếu thanh toán, trang mạng hay đĩa CD...)" [9, tr.25]. Theo đó, các VB đa phương thức thuộc lĩnh vực này sẽ có mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc. Khảo sát CT Ngữ văn 2018, có thể thấy ngữ liệu thuộc VB thông tin rất đa dạng: VB thuật lại một sự kiện, biên bản ghi chép, sơ đồ tóm tắt nội dung (lớp 6); Bài thuyết minh dùng để giải thích một quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động, VB tường trình, VB tóm tắt với độ dài khác nhau (lớp 7); VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, VB giới thiệu một cuốn sách, văn bản kiến nghị (lớp 8); VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, quảng cáo, tờ rơi, bài phỏng vấn (lớp 9). Căn cứ vào gợi ý trên, người dạy sẽ lựa chọn các VB đa phương thức phù hợp ở lĩnh vực thông tin. Để xác định được các biện pháp dạy học phù hợp đối với loại VB này, bên cạnh đặc điểm về nội dung thì việc chỉ ra được dấu hiệu về hình thức của VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi vì, đây chính là sự khác biệt nổi bật giữa VB đa phương thức với VB thông thường (VB đơn phương thức - loại VB có một phương thức biểu đạt là chữ viết). Theo chúng tôi, để làm rõ đặc điểm về mặt hình thức của loại VB này, cần xem xét kết hợp giữa đặc điểm hình thức của VB thông tin và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong VB đa phương thức. Theo CT GDPT môn Ngữ văn 2018, các

dấu hiệu đó là: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng, cước chú, tài liệu tham khảo, cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong văn bản; Các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ gồm: hình ảnh, số liệu, biểu đồ... [8]. Như vậy, có thể thấy, VB đa phương thức nói chung và VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin nói riêng là loại VB mang tính trực quan, mọi đặc điểm về hình thức của VB đều thể hiện rõ mục đích của người sử dụng, giúp người đọc tìm thông tin chính của VB một cách rõ ràng, sáng sủa.

## **2.3. Đề xuất một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin**

### **2.3.1. Lựa chọn ngữ liệu dạy học văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin**

CT GDPT môn Ngữ văn 2018 được xây dựng theo hướng mở. Đặc biệt, ở mảng VB thông tin, các chuyên gia biên soạn CT chỉ đưa ra những nội dung gợi ý mà chưa có các ngữ liệu cụ thể. Theo đó, giáo viên (GV) được quyền lựa chọn ngữ liệu phù hợp để giảng dạy. Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất, NL cho HS, VB đa phương thức được lựa chọn cần bảo đảm các tiêu chí sau:

- Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất, NL theo mục tiêu và yêu cầu cần đạt của CT GDPT môn Ngữ văn. Bên cạnh các NL chung, môn Ngữ văn giúp HS phát triển NL ngôn ngữ và NL văn học. Trong đó, việc dạy đọc hiểu VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin sẽ giúp HS phát triển NL ngôn ngữ là chủ yếu. Ruddell (2005) cho rằng, hoạt động đọc trong nhà trường có ba mục tiêu: Học nội dung các môn học (Subject Matter Learning): HS không chỉ để hiểu VB mà còn để mở rộng kiến thức của họ về môn học; Tăng kĩ năng đọc (Increasing Reading Skills): Ở mỗi cấp lớp, HS được trông đợi trở thành người đọc tốt và tăng NL đọc những VB khó; Vận dụng kiến thức (Knowledge Application): qua các cấp học THCS và THPT, HS được mong đợi có thể áp dụng kiến thức đã thu nhận từ việc đọc các VB của môn học (bài đọc về Vật lí, Hóa học...).

Như vậy, NL đọc nói chung và đọc VB đa phương thức nói riêng có vai trò quan trọng đối với việc học các môn học khác và là một kĩ năng sống thiết yếu. HS sẽ gặp khó khăn trong việc học các môn học khác trong nhà trường cũng như trong cuộc sống nếu không có NL đọc VB đa phương thức. Để thực hiện được mục tiêu đó, quan niệm về ngữ liệu trong dạy học Ngữ văn cần được mở rộng. Nó không chỉ bao gồm các vấn đề liên quan đến môn Ngữ văn mà còn bao gồm các vấn đề của những môn học khác như: Lịch sử, Địa lí, Sinh học, Hóa học...

- Phù hợp với kinh nghiệm, NL nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lí của HS phổ thông. Ở lứa tuổi THCS và THPT, các đặc điểm về tri giác, chú ý, tư duy, ngôn ngữ, ghi nhớ, tưởng tượng đã có sự phát triển mạnh mẽ. Cùng

với đó, những đặc điểm về lứa tuổi, sở thích đều có tác động tới quá trình đọc hiểu VB của HS. Đây là lứa tuổi mà tính khao khát học hỏi, sự tò mò ngày càng sinh động. Những điều mới mẻ sẽ luôn hấp dẫn HS ở lứa tuổi này. Vì thế, một VB đọc hiểu chỉ có kênh chữ sẽ không tạo được sự hứng thú ở các em. Ngược lại, một VB có sự kết hợp của ngôn ngữ và hình ảnh sẽ dễ thu hút được sự chú ý của HS. Bởi vì, theo tâm lí học giác quan, kênh hình có vai trò mạnh mẽ hơn và nhanh chóng hơn trong việc tạo ấn tượng cho người xem/nghe so với kênh chữ. Điều này không chỉ giúp HS hứng thú mà còn phát triển sự sáng tạo ở các em.

- Thuộc lĩnh vực VB thông tin, có giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức, thể hiện những phẩm chất trong sáng của ngôn ngữ, hình ảnh... từ đó hướng người học đến những giá trị tốt đẹp. Về mặt nội dung, GV có thể tham khảo các chủ đề của VB thông tin trong CT GDPT môn Ngữ văn năm 2018 để lựa chọn chủ đề phù hợp cho VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin. Ví dụ: Lớp 6 và lớp 7: VB thuật lại một sự kiện lịch sử (thuyết minh); VB giới thiệu một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hay hoạt động (thuyết minh); VB kiến nghị; biên bản, tin nhắn, thư điện tử [8, tr.101]. Lớp 8 và lớp 9: VB giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; VB giải thích một hiện tượng xã hội hoặc VB giới thiệu quy trình tiến hành một thí nghiệm; Bản tin (báo in và báo mạng); VB tường trình, quảng cáo, bài phỏng vấn [8, tr.105]. Lớp 10, 11 và 12: Báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội, có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa [8, tr.110]. Về mặt hình thức: Lựa chọn đa dạng các tiểu loại của VB đa phương thức có sự kết hợp giữa kênh chữ và kênh hình tĩnh (kênh chữ và ảnh vẽ/ảnh chụp, kênh chữ và sơ đồ/biểu đồ/bảng biểu, kênh chữ và ảnh vẽ/ảnh chụp kết hợp cùng sơ đồ/biểu đồ/bảng biểu); Đa dạng các nguồn tìm kiếm của VB đa phương thức: sách thông tin, SGK, tạp chí, báo, internet, sách khoa học...; Đảm bảo sự thích hợp về độ khó và dung lượng của các VB đa phương thức qua từng lớp học, cấp học; GV có thể tham khảo các VB nhật dụng trong SGK Ngữ văn trung học cơ sở hiện hành để xác định độ khó, dung lượng phù hợp cho VB lựa chọn.

### 2.3.2. Hướng dẫn học sinh sử dụng các chiến thuật đọc hiểu văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin

Tác giả Serafini nhận xét: “Các VB của thế kỉ XXI sẽ đòi hỏi GV phải áp dụng những kĩ năng, chiến lược mới để hỗ trợ sự giao tiếp của HS với các VB đa phương thức” [10, tr.26]. Theo đó, GV cần lựa chọn các chiến thuật phù hợp để hướng dẫn HS đọc hiểu loại VB này.

VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin sẽ có dấu hiệu hình thức của VB thông tin kết hợp với các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ. Vì vậy, GV có thể sử dụng

các chiến thuật như Đánh dấu và ghi chú bên lề, Tổng quan về VB trong giai đoạn trước khi đọc để HS nhận biết được các ý chính và quan trọng của VB. Trong VB thông tin, nhan đề thường giúp ta xác định chủ đề của văn bản; sapô (chapeau, tiếng Pháp) của bài viết là đoạn tóm tắt nội dung chính của toàn bộ văn bản thường in đậm ở đầu bài viết (còn gọi là mũ), tiêu mục (heading), hoặc tiêu mục (subheading) thường bắt đầu một chủ đề hay một phần mới cũng như trọng tâm của phần ấy, chữ in đậm được dùng để nhấn mạnh, các gạch đầu dòng dùng chỉ các mục nội dung có tầm quan trọng như nhau. Muốn vậy, GV cần có những câu hỏi, bài tập hướng dẫn HS quan sát VB.

Để khai thác các phương thức biểu đạt/kênh trong VB đa phương thức, GV có thể sử dụng chiến thuật Cộng tác ghi chú (Thảo luận) và Câu hỏi kết nối tổng hợp. Theo tác giả Phạm Thị Thu Hương, mục tiêu của chiến thuật Cộng tác ghi chú (Thảo luận) là khuyến khích độc giả tham gia tích cực vào quá trình cảm nhận, suy luận,... để kiến tạo ý nghĩa của VB, tạo ra và thúc đẩy môi trường học tập hợp tác trong quá trình đọc hiểu VB, tạo cơ sở để xây dựng các cuộc thảo luận khi đọc hiểu VB. Mục tiêu của chiến thuật Câu hỏi kết nối tổng hợp là độc giả biết cách đặt câu hỏi (và tìm kiếm câu trả lời) của cá nhân mình về VB, xây dựng mối liên hệ giữa những thông tin mới và thông tin đã được đọc trước đó hoặc những trải nghiệm cá nhân bằng cách tạo kết nối liên VB, VB với hiện thực đời sống, VB với độc giả và kết nối nội tại, cắt nghĩa và tổng hợp thông điệp của VB trong quá trình đọc hiểu. Hai chiến thuật này được sử dụng ở giai đoạn trong và sau của quá trình đọc VB. Theo đó, những câu hỏi/bài tập được GV sử dụng cần chỉ ra được nội dung thông tin mà mỗi kênh thể hiện và vai trò của các phương thức cấu tạo trong việc tạo ra tính chỉnh thể cho VB. Trong khi dạy, GV cần tổ chức cho HS thảo luận một cách linh hoạt, có thể yêu cầu HS khai thác thông tin từ kênh chữ hoặc từ kênh hình trước/sau.

Ví dụ, khi dạy VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người”, GV có thể sử dụng hệ thống câu hỏi như sau: Kênh chữ trong VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người” cung cấp những thông tin gì cho người đọc? Em có nhận xét gì về cách trình bày của kênh chữ trong VB? Người viết đã đưa những dẫn chứng nào cho thấy ảnh hưởng của thuốc lá tới vẻ ngoài của con người? Những dẫn chứng mà người viết sử dụng có hợp lí không? Vì sao? Sự tàn phá của thuốc lá bên trong cơ thể người hút chủ động và thụ động khác nhau như thế nào? Nhận xét về những dẫn chứng được người viết sử dụng. Thái độ của tác giả trong phần viết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe người hút thụ động là gì? Kênh chữ có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung thông tin của VB? Ngoài kênh chữ, người viết đã sử dụng những hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ nào trong VB “Thuốc lá ảnh



hường tới sức khỏe con người” Những hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ đó cung cấp thông tin gì cho người đọc? Với mỗi nội dung trong VB, người viết sử dụng bao nhiêu hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ? Trên hoặc dưới mỗi hình ảnh, sơ đồ là một chú thích. Nội dung của các chú thích là gì? Có chính xác không? Chỉ ra vai trò, tác dụng của các yếu tố đa phương thức: hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ trong việc giúp người đọc hiểu sâu VB. Để tìm hiểu mối quan hệ giữa kênh chữ và kênh hình, GV cần sử dụng những câu hỏi làm rõ được vai trò của mỗi kênh biểu đạt trong việc phản ánh thông tin chung của cả VB như: giả sử nếu không có kênh chữ hoặc không có kênh hình, khi đọc VB đa phương thức, HS sẽ không hiểu chỗ nào? Hay các em sẽ mất đi kiến thức gì? Đồng thời, để đảm bảo tính khoa học của VB đa phương thức, các phương tiện cấu tạo nên VB cần có có sự gắn bó chặt chẽ, vì vậy cần có những câu hỏi khai thác mối quan hệ giữa kênh chữ và kênh hình. Ví dụ: Nếu không có kênh chữ trong VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người” HS sẽ không hiểu được nội dung nào của bài học? Giả sử không có sơ đồ, hình ảnh, biểu đồ, trong VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người”, các em sẽ mất đi nội dung kiến thức nào? Đánh giá về mối quan hệ giữa kênh chữ và kênh hình trong việc tạo ra thông tin tổng thể của VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người”.

Bên cạnh đó, GV cần hướng dẫn HS xem xét, đánh giá tác động của VB đa phương thức trong mối quan hệ với các yếu tố ngoài VB như: quan hệ với người đọc, bối cảnh văn hóa, lịch sử, liên hệ, so sánh, kết nối với những vấn đề liên quan... Chẳng hạn: Nêu được tác động của VB đến bản thân người đọc, những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp các em hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong VB; Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại; Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống...; Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của yếu tố ngoài kênh chữ như: hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, đồ thị... đến cảm xúc của người đọc.

**2.3.3. Xây dựng hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin**

Luyện tập bằng hệ thống bài tập Ngữ văn có vai trò và tác dụng rất lớn trong việc GD, rèn luyện và phát triển NL HS. Đó cũng là thước đo trình độ nắm vững kiến thức và phát triển NL HS. Vì vậy, để có kĩ năng đọc hiểu VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin, GV cần xây dựng hệ thống bài tập luyện tập cho HS. Hệ thống bài tập được xây dựng cần được biên soạn theo các mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Trong quá trình xây dựng các bài tập, GV cần xây dựng bài tập đọc hiểu tích hợp với kĩ năng viết. Bởi, khi HS đọc hiểu VB đa phương thức thuộc lĩnh vực thông tin, các em đã nắm được đặc điểm, cấu trúc của VB để học cách tạo lập VB

khác tương tự. Cụ thể: Bài tập nhận biết nhằm nhận diện VB đa phương thức; Bài tập thông hiểu: phân tích, cắt nghĩa vai trò/tác dụng của các yếu tố đa phương thức, mối quan hệ của kênh chữ và kênh hình trong việc giúp người đọc hiểu VB và hiểu chính mình; Bài tập vận dụng (tạo lập VB đa phương thức): Các dạng bài tập phong phú khác nhau như lựa chọn hình ảnh cho một VB cụ thể để tạo thành VB đa phương thức; Tìm kiếm hình ảnh trên mạng minh họa cho một chủ đề; Tự vẽ tranh minh họa cho một chủ đề/VB cụ thể, viết một đoạn văn ngắn từ những hình ảnh gợi ý... Ví dụ: Khi dạy VB “Thuốc lá ảnh hưởng tới sức khỏe con người”, GV đưa ra hệ thống bài tập luyện tập sau:

**Bài tập nhận biết:** Chỉ ra VB đa phương thức trong các VB sau:

VB 1: *Quá trình hình thành mưa axit*



VB 2: *Cảnh khuya*

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,  
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.  
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,  
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

(Hồ Chí Minh)

**Bài tập thông hiểu:** Phân tích vai trò của các yếu tố tạo thành VB đa phương thức ở trên (bài tập nhận diện)

**Bài tập vận dụng:** Từ những hình ảnh gợi ý dưới đây, em hãy viết một đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề hút thuốc lá (xem Hình 1 và Hình 2).



Hình 1



Hình 2

### 3. Kết luận

Giao tiếp bằng VB đa phương thức đã trở thành một nhu cầu thiết yếu trong học tập và đời sống. Vì vậy, để giúp HS nâng cao NL đọc hiểu VB, đáp ứng được yêu cầu của CT GDPT môn Ngữ văn mới, mỗi thầy cô giáo

cần nghiên cứu, nắm vững khái niệm, đặc điểm của VB đa phương thức, từ đó vận dụng một cách hiệu quả các biện pháp dạy học đọc hiểu VB đa phương thức vào thực tiễn giảng dạy.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Anthony Baldry, Paul J. Thibault, (2006), *Multimodal transcription and text analysis - A multimedia toolkit and coursebook*, Equinox Publishing Ltd., 1 Chelsea Manor Studios, Flood Street, London.
- [2] <http://www.australiancurriculum.edu> (Multimodal Text - Glossary Term).
- [3] Bearne, E. and Wolstencroft, H. (2007), *Visual Approaches to Teaching Writing Multimodal Literacy 5-11*. London: Paul Chapman Publishing.
- [4] Lorraine McDonald, (2013), *A Literature companion for teachers*, Finsbury Green.
- [5] <http://www.nico-paris.com> (Đỗ Ngọc Thống, Phát triển năng lực đọc viết cho học sinh phổ thông).
- [6] Lê Thị Minh Nguyệt, (2017), *Dạy học văn bản đa phương thức nhằm phát triển năng lực giao tiếp của học sinh ở nhà trường phổ thông*, Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 199.
- [7] Nguyễn Thế Hưng, (2018), *Yếu tố hình ảnh trong văn bản đa phương thức*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 63, tháng 12.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, Hà Nội.
- [9] Vũ Thị Thu Hương, (2019), *Văn bản thông tin và vấn đề phát triển năng lực dạy học đọc hiểu văn bản thông tin cho giáo viên Ngữ văn trung học*, Tạp chí Giáo dục số 461, kì 1 tháng 9.
- [10] Frank Serafini, (2012), *Reading Mutimodal Texts in the 21<sup>st</sup> century*, Mid-South Educationa Research Asociation, Vol .19, No.1.

## SOME METHODS FOR TEACHING READING COMPREHENSION OF MULTI-MODAL TEXTS IN LITERATURE

### Tran Thi Ngoc

Thai Nguyen University of Education  
20 Luong Ngoc Quyen, Thai Nguyen city,  
Thai Nguyen province, Vietnam  
Email: tranngoc1512288@gmail.com

**ABSTRACT:** *In addition to the characteristics of general texts, multimodal texts have their own characteristics, therefore teachers need to organize activities to exploit the outstanding characteristics of the texts when teaching reading comprehension. In the article, the author points out: 1/ The concept of multimodal texts; 2/ The characteristics of multimodal documents in the field of information; 3/ Proposing some methods for teaching reading comprehension of multimodal text in the information field. Taking aim at helping high school students improve their reading comprehension of multimodal text, meeting the new requirements for reading and understanding texts in Literature, it is necessary for each teacher to effectively apply the teaching methods in teaching reading comprehension of multimodal text in the field of information at high schools.*

**KEYWORDS:** Process; teaching reading comprehension; multimodal text; Literature; high school.

# Khái quát thực trạng đào tạo và việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ trong bối cảnh hiện nay

Hoàng Công Dụng<sup>1</sup>, Trần Sâm<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Email: hcdung@moet.gov.vn

<sup>2</sup> Email: tsam@moet.gov.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo  
35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Trong những năm gần đây, khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, thị trường lao động và việc làm, nhất là các lĩnh vực liên quan đến kỹ thuật, công nghệ. Thị trường lao động trong và ngoài nước có những thay đổi nhanh chóng, nhu cầu tuyển dụng lao động có trình độ đại học có xu hướng biến động khó lường và có những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn về mức độ đáp ứng công việc. Tìm hiểu thực trạng đào tạo sinh viên các nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ hiện nay giúp có cái nhìn tổng thể về mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của các nhóm ngành này. Hiện nay, sinh viên các nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ là một trong những ngành chiếm số lượng rất lớn và là nguồn nhân lực có nhiều cơ hội tham gia vào thị trường lao động một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên ra trường vẫn còn hạn chế. Có những sinh viên ra trường làm không đúng ngành nghề đào tạo. Sinh viên tốt nghiệp ra trường không có việc làm vẫn chiếm một tỉ lệ đáng kể.

**TỪ KHÓA:** Kỹ thuật; kỹ thuật - công nghệ; sinh viên; việc làm; thất nghiệp.

→ Nhận bài 13/02/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 24/5/2020 → Duyệt đăng 15/6/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập và Cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư (CMCN 4.0) hiện nay, khoa học, công nghệ và kỹ thuật là một yếu tố, một động lực tác động to lớn đến việc tăng trưởng và phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, Việt Nam cũng không thể nằm ngoài quy luật đó. Đây là chìa khoá cho việc hội nhập thành công, cho việc thực hiện rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bắt kịp với các quốc gia khác trên thế giới. Thực tiễn cho thấy, đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của CMCN 4.0, một số nhóm ngành “hot” xuất hiện trên cơ sở 3 nhóm chính gồm Công nghệ sinh học, Kỹ thuật số và Vật lý với những yếu tố cốt lõi của Kỹ thuật số trong CMCN 4.0 sẽ là: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối (Internet of Things - IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data). Thế giới đang trải qua những thay đổi lớn nhất của ngành Công nghiệp trong hơn 100 năm qua và “Sản xuất” gắn với “Công nghệ”, “Kỹ thuật” trở thành một chủ đề nóng hổi, thu hút nhiều sự quan tâm.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, giáo dục (GD) Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là GD đại học (ĐH) đã đào tạo nhiều ngành, ở các lĩnh vực được coi là mũi nhọn, trong đó có các nhóm ngành Công nghệ kỹ thuật và Kỹ thuật kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và yêu cầu của CMCN 4.0. Những kết quả khả quan đó là một trong những nét vẽ quan trọng tạo

nên diện mạo mới trong bức tranh phát triển đa sắc màu toàn cảnh về kinh tế, xã hội nước ta hiện nay.

Việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên (SV) là một vấn đề nhận được sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu và quản lý GD. Giải quyết việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp là một nội dung quan trọng trong các chương trình nghị sự về GD và giải quyết việc làm cho người lao động ở mỗi quốc gia. Trong bối cảnh đất nước hội nhập sâu rộng với thế giới về kinh tế, khoa học kỹ thuật, việc làm của SV, nhóm ngành Kỹ thuật - Công nghệ (KT-CN) càng trở thành vấn đề cần phải được nghiên cứu thấu đáo ở nhiều khía cạnh, nhiều cách tiếp cận để đưa ra những dự báo, cảnh báo xu hướng phát triển của nhóm ngành này, những yêu cầu về số lượng, chất lượng đầu ra của SV để từ đó hỗ trợ cho việc hoạch định chính sách, nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực của SV, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan nghiên cứu

Năm 2017, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ Khoa học và Công nghệ) biên soạn Tổng luận “Cuộc CMCN lần thứ tư”. Tổng luận đã khái quát toàn diện về những vấn đề cơ bản của CMCN 4.0 và đưa ra một số khuyến nghị tiếp cận CMCN 4.0 đối với Việt Nam; Khuyến nghị về chính sách công nghiệp mới được nêu trong tổng luận là hỗ trợ liên kết các hoạt động đổi mới, hỗ trợ các công nghiệp thượng nguồn, hỗ trợ kinh